



shén xué yuàn

神学院

noun · seminary; theological college

Example Sentences

tā bì yè hòu qù le shén xué yuàn xué xí
他毕业后去了神学院学习。

After graduation, he went to study at a seminary.

zhè suǒ shén xué yuàn yǒu yǒu jiǔ de lì shǐ
这所神学院有悠久的历史。

This seminary has a long history.

Trace each character, then write the word on your own.

神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										
学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
院	院	院	院	院	院	院	院	院	院	院
院										